

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

*“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản
chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quân.

2. Bà Lê Thị Cúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, về việc *“Tranh chấp ly hôn; nuôi con; tài sản chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26-7-2022 và thông báo dời lịch phiên tòa số 09/TB-TA ngày 22-8-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn H, sinh năm 1977 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lê B, sinh năm 1978 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, Huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Th, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn H trình bày:

Vào năm 2013, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Lê B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16-11-2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê N, sinh ngày 24-02-2015; về tài sản chung và nợ chung không có.

Việc xác lập hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, lúc đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên cự cãi qua lại với nhau nguyên nhân do anh B không nghề nghiệp, không lao động để kiếm thu nhập lo cho gia đình. Ngoài ra anh B còn thường xuyên rượu chè, mỗi lần uống say kiếm chuyện gây gỗ và xô xát với vợ, hay ghen mà không có căn cứ. Chị làm việc mệt mỏi kiếm tiền lo cho gia đình về nhà còn phải chăm sóc con và bị tra tấn về thể xác và tinh thần. Chị đã chịu đựng nhiều năm và khuyên anh thay đổi để lo cho gia đình nhưng anh B không thay đổi và không chịu lao động. Đỉnh điểm là sau tết nguyên đán năm 2022 cả hai xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát và anh B còn dùng lời lẽ đe dọa giết hai mẹ con chị, rồi tự sát do anh ghen tuông bóng gió không có căn cứ. Từ ngày 28/02/2022 chị đã cùng con dọn đến nơi làm việc của chị để ở riêng tránh xung đột với anh B, đến nay chị thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê B. Về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu Lê B, sinh ngày 24-02-2015 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26-4-2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn H về quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung. Lân hòa giải và bản tự khai trước anh cho rằng tài sản chung không có và không có yêu cầu gì khác vì anh muốn duy trì hôn nhân với chị H. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 27-6-2022 anh cho rằng về tài sản chung có căn nhà mái âm công đoàn cất nờ trên đất của chị Nguyễn Th thuộc một phần thửa đất số 2652, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là không đúng vì mặc dù anh không đi làm bên ngoài để kiếm tiền nhưng anh vẫn làm việc nhà giúp vợ. Anh cũng không phải là người bạo hành, đánh đập vợ con, nhưng có những lúc vợ chồng cự cãi do không kiểm chế được anh có dùng tay đánh vợ, cũng không gây thương tích gì đáng kể, chị H cũng đánh ngược lại anh. Anh cho rằng anh còn thương yêu vợ con, việc cãi cọ đánh nhau chút ít chỉ là chuyện thường ngày của mỗi gia đình nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về nợ chung anh cũng thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung trường hợp Tòa xét xử chấp nhận yêu cầu ly

hôn của chị H, nếu con có nguyện vọng sống cùng chị H anh đồng ý giao con cho chị H nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con, nếu con có nguyện vọng sống với anh, anh sẽ nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Riêng về tài sản chung, nếu phải ly hôn anh yêu cầu chia cho anh $\frac{1}{2}$ căn nhà mái âm công đoàn bằng hiện vật để anh tiếp tục sinh sống trong nhà, anh không tranh chấp đất vì nhà cất nhờ trên đất chị Th. Đồng thời anh cho rằng chị H có làm thiệt hại những tài sản riêng của anh gồm: 01 tivi sam sung trị giá 5.000.000 đồng (chị H đập vỡ năm 2015), 01 điện thoại trị giá 10.000.000 đồng (chị H đập vỡ năm 2013) và 01 xe SH trị giá 60.000.000 đồng (do anh bán năm 2014 và đưa tiền chị H tiêu xài; trong đó chị H có cho chị Th mượn 20.000.000 đồng). Tổng số tiền anh yêu cầu chị H bồi thường cho anh là 75.000.000 đồng.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 28-6-2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Th trình bày:

Chị là chị ruột của chị H, tháng 3 năm 2013 do thấy chị H khó khăn về nhà ở, nên chị cho chị H cất nhà ở nhờ trên đất của cá nhân chị đứng tên chủ sử dụng đất. Khi đó trên đất chị cho chị H cất nhà đã có nền đất bằng phẳng, chị lại đang cất nhà mới nên cho chị H cột dúc, gạch lót nền và mái tol nhà cũ để tạm dựng lại cất nhà ở tạm. Chị không có mượn của chị H 20.000.000 đồng như anh B trình bày. Vì chỗ chị em ruột nên chị cho chị H cất nhà ở nhờ trên đất, trong vụ án này chị không có yêu cầu gì.

Những tình tiết các bên thống nhất: Chị H và anh B thống nhất về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về con chung nếu cháu Lê Phú N, sinh ngày 24/02/2015 có nguyện vọng sống với ai thì người còn lại đồng ý giao con cho người kia nuôi và người trực tiếp nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Chị Nguyễn H yêu cầu được ly hôn nhưng anh Lê B không đồng ý. Anh B yêu cầu chị H chia cho anh $\frac{1}{2}$ căn nhà mái âm công đoàn bằng hiện vật và yêu cầu chị H bồi thường thiệt hại cho anh số tiền 75.000.000 đồng nhưng chị H không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H về việc cho chị ly hôn với anh Lê B; giao cháu Lê N, sinh ngày 24/02/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh B, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh B. Về

nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; buộc các bên chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn H khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Lê B có yêu cầu phản tố về chia tài sản chung và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Đồng thời bị đơn anh Lê B dù hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, Huyện B, tỉnh Đồng Tháp nhưng sau khi cưới chị H thì sinh sống cùng chị tại nhà ở ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (điều này đã được xác minh làm rõ trong biên bản tại bút lục số 47-49) nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn H và anh Lê B xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị Nguyễn H có cung cấp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp vào ngày 16-11-2013, nên hôn nhân giữa chị Nguyễn H với anh Lê B là hợp pháp.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng, chị H và anh B sống hạnh phúc và có được 01 con chung tên Lê N, sinh ngày 24-02-2015; đến năm 2019 thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh B không nghề nghiệp, không lao động để kiếm thu nhập lo cho gia đình. Ngoài ra anh B còn thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống say kiếm chuyện gây gổ và xô xát với chị, hay ghen không có căn cứ. Đối với anh B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh không đi lao động bên ngoài nhưng vẫn ở nhà làm việc nhà giúp vợ, vợ chồng có lúc gây cãi do không kiềm chế có lúc anh đã đánh chị H bằng tay nhưng không gây thương tích.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ

nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Từ lời khai của chị H và anh B xác định thực tế đã phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng trong lối sống và cách nghĩ, chị H muốn anh B lao động kiếm tiền phụ giúp chị về kinh tế để cùng nuôi con. Chị đã tạo điều kiện và khuyên nhủ anh B thời gian dài nhưng anh B vẫn chỉ muốn làm việc nhà không đi làm để cùng chị phát triển kinh tế khiến chị H chán nản, mất lòng tin không còn xem anh là trụ cột gia đình. Đồng thời từ sự khác biệt trong lối sống và cách nghĩ khiến khoảng cách vợ chồng ngày càng xa, những bất đồng cuộc sống dẫn đến cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Khi say không kiềm chế được anh B đã đánh chị H dù không dẫn đến thương tích, chị H cũng không có yêu cầu địa phương can thiệp hay hòa giải nhưng khiến tình cảm chị H dành cho anh không còn (chị H có cung cấp ảnh cổ của chị bị anh B làm tổn thương có vết bầm). Do mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc và không còn tình cảm với anh B nên chị H đã dọn đến cơ quan công tác để sống cùng con mà không về sống cùng nhà với anh B. Phía anh B đã tạo điều kiện để vợ chồng có thể đoàn tụ cùng chăm sóc nuôi dạy con chung nhưng chị H không đồng ý. Từ những nhận định trên chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị H và anh B có một người con chung tên Lê N, sinh ngày 24-02-2015. Cả hai anh chị đều thống nhất cháu N có nguyện vọng sống chung với ai thì anh chị sẽ giao cho người kia nuôi và người trực tiếp nuôi con sẽ không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 26-4-2022 của cháu Lê N có xác nhận của chị H thể hiện cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Xét điều kiện kinh tế chị H là công chức nhà nước có công việc và thu nhập ổn định, chị được tặng nhà mái âm công đoàn cất trên đất của người thân. Anh B không có nhà riêng, hằng ngày không đi làm và anh cũng không chứng minh được thu nhập để đảm bảo cuộc sống. Về môi trường sống, từ nhỏ đến nay cháu N sống với cha mẹ ở nhà chị H trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên đây là môi trường sống quen thuộc của cháu. Từ những nhận định trên để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho cháu N Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Lê N, sinh ngày 24-02-2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu và quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh B cho rằng căn nhà diện tích 66,5m² (ngang 5m, dài 13,3m) được cất nhờ trên đất của chị Nguyễn Th thuộc thửa đất 2652, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2021 (theo biên bản định giá ngày 18-7-2022 có giá là 151.819.500 đồng) là tài sản chung của vợ chồng nên anh B yêu cầu chia đôi để anh nhận ½ căn nhà bằng hiện vật. Anh B không tranh chấp về đất vì xác định đất để cất nhà là do chị Th đứng tên quyền sử dụng đất. Chị H không đồng ý chia ½ căn nhà theo yêu cầu của anh B vì cho rằng căn nhà là tài sản riêng của chị (chị được hưởng chế độ của công đoàn viên và cơ quan vận động tiền cho riêng chị), anh B không có công sức đóng góp gì vào căn nhà. Anh B cũng khẳng định căn nhà cất năm 2021 vợ chồng anh không có bỏ thêm tiền vào mà cất dựa vào tiền mái ấm công đoàn và tiền thủ trưởng cơ quan chị H vận động mạnh thường quân hỗ trợ. Tuy nhiên anh B cho rằng căn nhà cất có tận dụng lại cột, kèo, đòn tay và nền nhà cũ, mà nhà cũ anh có góp vào 50.000.000 đồng để cất. Đồng thời anh cho rằng tiền mái ấm công đoàn và mạnh thường quân hỗ trợ là hỗ trợ cho hộ gia đình anh, không phải hỗ trợ riêng chị H. Anh B nộp cho Tòa chứng cứ là tám séc năm 2014 anh rút 316.000.000 đồng từ Ngân hàng Agribank có đưa cho chị H 50.000.000 đồng để cất nhà, ngoài tám séc rút 316.000.000 đồng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đưa 50.000.000 đồng cho chị H như anh trình bày hay một chứng cứ nào khác. Lời khai của anh B không được chị H thừa nhận. Đồng thời qua đối chất làm rõ căn nhà cũ của chị H cất năm 2014 là do chị Th cho cột kèo, mái tol và gạch lót nền nên lời khai của anh B việc anh bỏ vào 50.000.000 đồng để cất nhà là không có căn cứ. Chị H cho rằng từ nhà cũ năm 2014 cho đến năm 2021 cất nhà nhà mái ấm công đoàn anh B hoàn toàn không có đóng góp gì vào việc xây nhà. Chị H cho rằng mái ấm công đoàn là chế độ dành riêng cho công đoàn viên khó khăn, đồng thời chị cũng cung cấp được xác nhận của cơ quan chị về việc vận động hỗ trợ mái ấm công đoàn cho cá nhân chị, không phải cho hộ gia đình trong đó có anh B (bút lục 84-86 trong hồ sơ vụ án). Từ những chứng cứ trên cho thấy yêu cầu của anh B về chia tài sản chung là căn nhà mái ấm công đoàn là không có cơ sở, xác định căn nhà mái ấm công đoàn cất trên đất chị Th là tài sản riêng của chị H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh B.

Về quyền lưu cư theo quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì “Nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng đã đưa vào sử dụng chung thì khi ly hôn vẫn thuộc sở hữu riêng của người đó; trường hợp vợ hoặc chồng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”. Trong vụ án này chị H và anh B đều có khó khăn về chỗ ở, không phải riêng anh B có khó khăn. Thời điểm Tòa án chuẩn bị xét xử do có mâu thuẫn nên chị H cùng cháu N đến ở tạm tại nơi làm việc của chị H, ngoài ra chị H không còn chỗ ở nào khác. Việc chị H phải cùng con nhỏ sinh hoạt tại nơi làm việc là rất khó khăn không đảm bảo điều kiện sinh hoạt

nhưng chị vẫn nhẫn nhịn để anh B sắp xếp ổn định cuộc sống. Trong thời gian đó có lúc anh B về nhà ở tại ấp T, xã T, Huyện B, tỉnh Đồng Tháp thì mẹ con chị H mới dám về nhà ở. Khi anh B quay về nhà, chị H và cháu N lại phải tiếp tục sống ở nơi làm việc của chị H. Để đảm bảo không xảy ra xung đột như thời gian sống chung, để bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu tài sản, cũng như bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em trong trường hợp này sau ly hôn anh B không thể được lưu cư như quy định tại Điều 63 nói trên. Khi bản án có hiệu lực pháp luật buộc anh B phải di dời tài sản giao trả căn nhà cho chị H.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh B thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về yêu cầu phản tố bồi thường thiệt hại tài sản riêng của bị đơn: anh B cho rằng chị H có làm thiệt hại những tài sản riêng của anh gồm: 01 ti vi sam sung trị giá 5.000.000 đồng (hủy hoại năm 2015), 01 điện thoại sam sung trị giá 10.000.000 đồng (hủy hoại năm 2013) và 01 xe SH trị giá 60.000.000 đồng (do anh bán năm 2014 và đưa tiền chị H tiêu xài). Tổng số tiền anh B yêu cầu chị H bồi thường cho anh là 75.000.000 đồng. Xét những tài sản anh B yêu cầu chị H bồi thường đều bị thiệt hại trên 07 năm tính tới thời điểm anh yêu cầu. Theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm kể từ thời điểm người có quyền yêu cầu biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Như vậy tính tới thời điểm hiện tại yêu cầu của anh B đã hết thời hiệu khởi kiện. Đồng thời tại biên bản đối chất và đối chất bổ sung ngày 18/6/2022 và 04/8/2022 chị H không thừa nhận việc làm thiệt hại những tài sản như anh B yêu cầu, anh B cũng khẳng định những tài sản anh yêu cầu bồi thường thiệt hại hiện nay không còn, anh cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị H làm thiệt hại cho anh những tài sản nói trên nên yêu cầu của anh là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc Th không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu chia tài sản chung của anh B không được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự anh B phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 1.300.000 đồng.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh B không được Tòa án chấp nhận nên anh không phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh B không được Tòa án chấp nhận nên anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 585 và Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 43, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 điều Điều 26 và điểm a,b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn H. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lê B về tài sản chung và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Nguyễn H được ly hôn với bị đơn anh Lê B.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn H. Giao cháu Lê N, sinh ngày 24/02/2015 cho chị Nguyễn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Anh Lê B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê B, về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà mái âm công đoàn cất trên thửa đất 2652, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh của chị Nguyễn Ngọc Th. Buộc anh Lê B di dời tài sản riêng của anh để giao cho chị Nguyễn H căn nhà diện tích 66,5m² (ngang 5m, dài 13,3m) được cất nhờ trên đất của chị Nguyễn Th thuộc

thửa đất 2652, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2021.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn H và anh Lê B thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê B về việc yêu cầu chị Nguyễn H phải bồi thường cho anh số tiền 75.000.000 đồng.

6. Về chi phí thẩm định, định giá: là 1.300.000 đồng buộc anh Lê B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 1.300.000 đồng tạm ứng chi phí tố mà anh B đã nộp theo phiếu thu ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T; anh B đã nộp đủ chi phí tố tụng.

7. Về án phí: Chị Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008949, ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; chị H đã nộp đủ án phí. Buộc anh Lê B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng nhưng trừ vào số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002914, ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, anh B phải nộp thêm 50.000 đồng tiền án phí.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, T, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Quyên